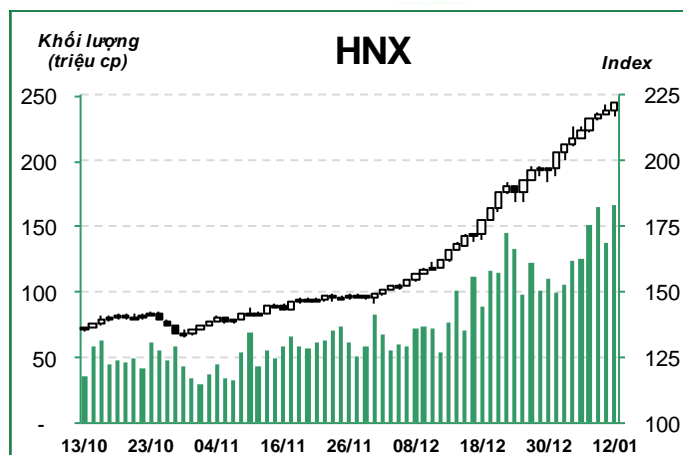
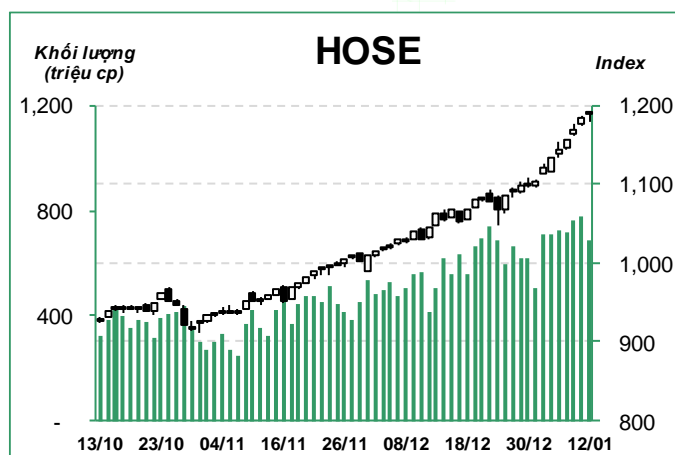


## Tổng quan thị trường

12/01/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,192.28</b>	<b>0.62%</b>	<b>1,169.03</b>	<b>0.48%</b>	<b>221.97</b>	<b>1.30%</b>
Cuối tuần trước	1,167.69	2.11%	1,147.86	1.84%	217.40	2.10%
Trung bình 20 ngày	1,114.86	6.94%	1,077.91	8.45%	200.70	10.60%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>719.93</b>	<b>-14.89%</b>	<b>209.56</b>	<b>-10.65%</b>	<b>167.32</b>	<b>8.16%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>683.33</b>	<b>-11.98%</b>	<b>202.52</b>	<b>-9.10%</b>	<b>166.57</b>	<b>20.73%</b>
Trung bình 20 ngày	672.25	1.65%	195.95	3.35%	124.09	34.24%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>15,804.98</b>	<b>-14.75%</b>	<b>7,271.95</b>	<b>-13.37%</b>	<b>2,378.57</b>	<b>-1.16%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>14,777.42</b>	<b>-9.93%</b>	<b>6,878.61</b>	<b>-10.14%</b>	<b>2,360.98</b>	<b>12.00%</b>
Trung bình 20 ngày	13,614.14	8.54%	6,168.15	11.52%	1,604.33	47.16%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	269	54%	16	53%	125	35%
<b>Số mã giảm</b>	178	36%	9	30%	83	23%
<b>Số mã đứng giá</b>	54	11%	5	17%	147	41%



Mặc dù gặp một chút áp lực vào đầu phiên sáng khi nhiều trụ cột chìm trong sắc đỏ, các chỉ số chính vẫn đảo chiều bật tăng trở lại và đóng cửa cao nhất phiên. Tình trạng nghẽn lệnh hôm nay xảy ra sớm hơn dự kiến khiến thanh khoản thị trường không thể tiếp tục lập kỷ lục mới.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1,192.28 điểm (+0.62%). KLGĐ khớp lệnh đạt 683.3 triệu cổ phiếu (-12.0%), tương đương 14,777 tỷ đồng giá trị (-9.9%). Toàn sàn vẫn ghi nhận sự áp đảo của bên mua với 269 mã tăng so với 178 mã giảm.

Nhóm thép là tâm điểm của VN-Index hôm nay với sự khởi sắc của Hòa Phát-HPG (+4.3%). Trong khi các cổ phiếu còn lại trong nhóm như Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+4.1%), Thép Pomina-POM (+5.7%), hay Thép Nam Kim-NKG (+2.8%) cũng dậy sóng. Ở nhóm vốn hóa vừa và nhỏ, cảng biển và dệt may cũng bứt phá mạnh mẽ với một số cổ phiếu tăng trần và gần trần như Gemadept-GMD (+6.6%), Viconship -VSC (+6.9%), XNK Bình Thạnh-GIL (+6.5%). Ngược lại, nhóm ngân hàng tiếp tục rung lắc với nhiều mã chốt phiên dưới tham chiếu như Vietinbank-CTG (-0.5%), VPBank-VPB (-0.9%) hay MBBank-MBB (-0.8%).

Khối ngoại vẫn duy trì áp lực bán ròng trên sàn HoSE trong hôm nay với giá trị 435.3 tỷ đồng (-0.5%). Lực bán chủ yếu đến từ Hòa Phát-HPG (-147.1 tỷ), Vinhomes-VHM (-85.9 tỷ) và Vietinbank-CTG (-67.6 tỷ). Trong khi đó, khối này mua ròng một số cổ phiếu như Novaland-NVL (+107.0 tỷ), Maritime

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
FPT	1,696.0	115.73
HNG	6,384.1	97.04
NVL	760.0	53.96
VIC	400.0	45.89
EIB	2,000.0	40.40
GEX	1,461.8	35.74
VNM	199.5	23.19
VCB	208.1	21.80
SAB	111.7	21.40
PLX	300.0	17.18
<b>HNX</b>		
IDC	200.0	7.96
NVB	243.0	2.50
CVN	200.0	2.30
LHC	25.0	1.75
VCS	19.0	1.56
HLD	30.0	0.76
PTI	30.0	0.74
SHB	0.4	0.01

Bank-MSB (+33.5 tỷ) và Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM-CII (+24.8 tỷ). Khối ngoại cũng mua ròng khá mạnh với các chứng chỉ quỹ ETF, cụ thể trong hôm nay là E1VFN30 (+116.7 tỷ) và FUEVFN30 (+65.9 tỷ).

Trên sàn HNX, HNX-Index cũng phục hồi khá tích cực và đóng cửa tại mức 221.97 điểm (+1.30%). Thanh khoản tăng trở lại với KLGD khớp lệnh đạt 166.6 triệu cổ phiếu (+20.7%), tương đương 2,361.0 tỷ đồng giá trị (+12.0%).

Dẫn đầu đà tăng cho sàn HNX-Index là Thaiholdings-THD (+3.6%) cùng với một số nhóm ngành được dòng tiền hướng đến hôm nay như cảng biển với Cảng Hải Phòng-PHP (+5.7%), chứng khoán với Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội - SHS (+1.9%), Chứng khoán MB-MBS (+2.0%) hay BĐS khu công nghiệp với Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+9.9%). Ở chiều ngược lại, Điện miền Trung-SEB (-5.1%), Idico-IDC (-0.5%), Dầu khí PTSC-PVS (-0.5%), Vicostone-VCS (-0.3%) gây áp lực nhưng không quá đáng kể.

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 9.5 tỷ đồng. Với những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+10.8 tỷ), Thống Nhất-BAX (+1.2 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+0.9 tỷ). Trái lại, khối này bán ròng Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-2.5 tỷ), VNECO 1-VE1 (-1.2 tỷ) và Chứng khoán Đầu tư VN-IVS (-1.0 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ tám liên tiếp. Khối lượng giao dịch tuy có suy giảm nhưng vẫn duy trì trên mức bình quân 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn khá mạnh mẽ. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn đang tiếp diễn. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác cho tín hiệu xác nhận xu hướng đi lên của chỉ số, với MACD và RSI đang hướng lên tích cực, cho thấy chỉ số có cơ hội thử thách vùng đỉnh lịch sử quanh 1.200 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục đi lên và duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn tiếp diễn. Chỉ số có thể tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự quanh 238 điểm (Fib 261.8). Nhìn chung, thị trường nằm trong xu hướng phục hồi tích cực. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục của mình vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả kinh doanh quý 4 khả quan và đang thu hút được dòng tiền mạnh.

## Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DIG	33.7	5,545.8	7.0%
CRC	10.7	706.2	7.0%
GMC	21.4	60.2	7.0%
PXT	2.1	296.0	7.0%
CTD	84.1	2,876.8	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPS	16.0	14.1	-7.0%
TDP	31.5	37.6	-7.0%
TN1	84.7	5.9	-6.9%
BKG	14.3	107.5	-6.8%
LAF	10.3	6.5	-6.8%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	44.9	997.1	4.3%
TCB	35.1	572.5	-0.4%
SSI	34.1	551.1	1.6%
STB	19.8	538.2	-1.5%
NVL	75.4	503.4	-0.1%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	19.8	27,236.8	-1.5%
ROS	2.9	24,392.7	6.7%
HPG	44.9	22,738.8	4.3%
ITA	8.1	22,189.6	3.6%
HQC	2.3	22,091.3	6.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BST	15.4	1.9	10.0%
VC6	7.7	0.1	10.0%
SPI	2.2	950.2	10.0%
HCT	13.3	0.2	9.9%
IDV	61.0	87.3	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PSE	7.2	0.8	-10.0%
VE4	13.5	6.1	-10.0%
ARM	45.0	0.3	-10.0%
SDG	42.9	1.1	-9.9%
KTT	4.9	4.6	-9.3%

#### Top 5 giá trị

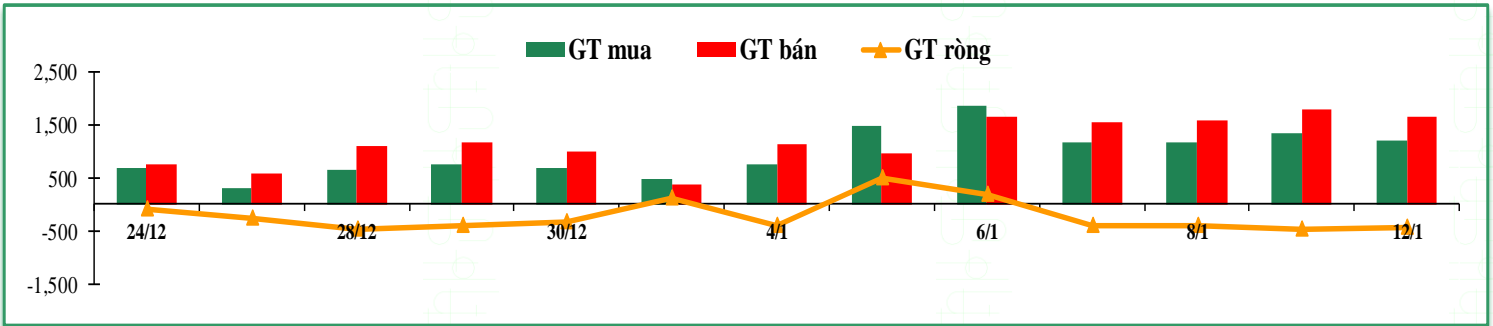
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	18.8	646.1	0.0%
PVS	20.9	241.6	-0.5%
SHS	26.7	212.5	1.9%
IDC	43.9	181.4	-0.5%
THD	129.5	128.0	3.6%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	18.8	34,680.5	0.0%
ART	4.6	12,697.8	9.5%
PVS	20.9	11,628.6	-0.5%
KLF	2.9	10,252.8	7.4%
SHS	26.7	8,138.8	1.9%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,194.4	7.6%	1,629.7	10.3%	-435.3
HNX	21.0	0.9%	11.5	0.5%	9.5
<b>Tổng số</b>	<b>1,215.4</b>		<b>1,641.2</b>		<b>-425.8</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVL	75.4	132.7	-0.1%
HPG	44.9	125.7	4.3%
FPT	65.8	111.3	1.7%
VRE	36.7	98.9	-1.2%
VIC	114.4	82.1	0.5%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	44.9	272.8	4.3%
VHM	103.4	166.3	0.3%
VRE	36.7	144.1	-1.2%
FPT	65.8	111.2	1.7%
VIC	114.4	110.4	0.5%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVL	75.4	107.0	-0.1%
MSB	20.5	33.5	-1.0%
CII	24.3	24.8	2.5%
HDB	26.8	23.5	-0.4%
VNM	116.3	19.4	0.4%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	26.7	13.3	1.9%
BAX	79.8	1.2	0.0%
PVS	20.9	1.1	-0.5%
PVB	22.0	0.6	2.8%
SHB	18.8	0.4	0.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	23.4	2.5	-0.9%
SHS	26.7	2.5	1.9%
VE1	4.9	1.2	8.9%
IVS	10.4	1.0	8.3%
PPS	9.4	0.9	8.1%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	26.7	10.8	1.9%
BAX	79.8	1.2	0.0%
PVS	20.9	0.9	-0.5%
PVB	22.0	0.6	2.8%
SHB	18.8	0.4	0.0%

## Tin trong nước

### **PVN lãi 17.500 tỷ dù 2020 là năm 'khó khăn nhất trong lịch sử'**

Ngày 11/1/2021, tại Hà Nội, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021. Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tham dự hội nghị.

Tổng giám đốc PVN Lê Mạnh Hùng cho biết năm 2020 qua đi để lại cho thế giới những hệ quả mà cần rất nhiều năm sau mới có thể khắc phục được. Thiên tai, dịch bệnh, thảm họa, xung đột bao trùm nhiều nơi và biến 2020 trở thành một năm không thể nào quên trong những trang sử thế giới. Đại dịch Covid-19 đã làm đảo lộn cuộc sống và khiến nền kinh tế toàn cầu chao đảo.

Ông Hùng cho hay đối với PVN, có thể khẳng định năm 2020 là năm khó khăn nhất trong lịch sử 45 năm thành lập. Tập đoàn vừa phải tập trung ứng phó với dịch bệnh, vừa phải ứng phó với suy giảm giá dầu thô chưa từng có trong lịch sử giao dịch dầu khí. Cùng với đó, một số cơ chế tháo gỡ khó khăn cho tập đoàn vẫn đang trong quá trình xem xét từ các cơ quan có thẩm quyền...

Tuy nhiên, kết thúc năm 2020, PVN đã hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra, đã về đích trước nhiều chỉ tiêu quan trọng của năm.

Sản xuất đạm hoàn thành kế hoạch cả năm trước 1 tháng 17 ngày, đạt 1,80 triệu tấn, vượt 15,0% kế hoạch năm; sản xuất xăng dầu toàn tập đoàn đạt 11,87 triệu tấn, vượt 0,5% kế hoạch năm; sản xuất điện đạt 19,17 tỷ kWh.

Với giá dầu thô trung bình năm 2020 đạt 43,8 USD/thùng, bằng 73% so với mức giá kế hoạch năm Quốc hội thông qua (60 USD/thùng), giảm 23,7 USD/thùng (giảm 35,1%) so với giá dầu trung bình năm 2019 (67,5 USD/thùng), các chỉ tiêu tài chính của tập đoàn vẫn đạt kết quả tích cực hơn so với mức độ suy giảm giá dầu; trong khi hoạt động của nhiều tập đoàn, công ty dầu khí trên thế giới thua lỗ lớn tới hàng chục tỷ USD, thậm chí phá sản, thì PVN là một trong số ít các công ty dầu khí có lợi nhuận khả quan.

Cụ thể, tổng doanh thu toàn tập đoàn năm 2020 đạt 566.000 tỷ đồng; nộp ngân sách Nhà nước toàn tập đoàn đạt 83.000 tỷ đồng, đạt trên 100% kế hoạch năm; tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 17.500 tỷ đồng.

### **Giá trị xuất khẩu rau quả cả năm 2020 đạt 3,26 tỷ USD, giảm 13%**

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, giá trị xuất khẩu rau quả cả năm 2020 đạt 3,26 tỷ USD, giảm 13% so với năm 2019.

Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam, chiếm khoảng 56% thị phần.

Xuất khẩu rau quả năm vừa qua giảm mạnh bởi nhiều mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn giảm mạnh như thanh long - mặt hàng chiếm thị phần cao nhất với khoảng 36% tổng giá trị xuất khẩu, giảm gần 10%; chuối chiếm trên 5%, giảm 13%; sầu riêng giảm 56%; vải giảm 22%; dưa hấu giảm 36%.

Ở góc độ thị trường, ông Đặng Phúc Nguyên, Tổng thư ký Hiệp hội rau quả Việt cho biết, giá trị xuất khẩu rau quả giảm mạnh do thị trường Trung Quốc giảm nhập khẩu mạnh, giảm khoảng 25% so với năm 2019.

Tuy xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh, nhưng xuất khẩu rau quả sang các thị trường khác vẫn tăng trưởng tốt như Mỹ tăng khoảng 11%; Thái Lan tăng trên 140%; Hàn Quốc tăng 11%; Nhật Bản tăng 5%.

Theo ông Đặng Phúc Nguyên, nếu thị trường Trung Quốc có những tín hiệu tích cực hơn cộng với dịch Covid-19 được kiểm soát tốt hơn thì mặt hàng rau quả sẽ có những tín hiệu khả quan hơn trong năm 2021. Tình hình xuất khẩu rau quả phụ thuộc vào tình hình dịch Covid-19 trên thế giới rất lớn.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Cảng Đình Vũ tạm ứng cổ tức 2020 tỷ lệ 15%**

Công ty Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (HoSE: DVP) thông báo quyết định HĐQT thông qua tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 15%, thời gian chi trả ngày 8/2.

Với 40 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp sẽ chi ra khoảng 60 tỷ đồng.

Năm 2019, doanh nghiệp chia cổ tức tiền mặt tổng tỷ lệ 40%, cổ tức kế hoạch 2020 là tối thiểu 25%.

9 tháng, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu thuần 379 tỷ đồng, giảm 11%; lãi sau thuế 191 tỷ đồng, giảm 3%. Cảng Đình Vũ thực hiện 39% kế hoạch doanh thu và 80% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

### **BDS Phát Đạt sẽ tạm ứng cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 10% trong quý I**

Công ty Phát triển BĐS Phát Đạt (HoSE: PDR) thông báo quyết định HĐQT về việc triển khai phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức đợt 2/2020 tỷ lệ 10%. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý I, thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định ngay khi nhận được sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Theo đó, Phát Đạt sẽ phát hành 39,6 triệu cổ phiếu tăng vốn từ 3.962 tỷ đồng lên 4.323 tỷ đồng. Nguồn thực hiện từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC 9 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán.

Doanh nghiệp bất động sản đã tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 tỷ lệ 7% bằng cổ phiếu. Tổng tỷ lệ qua 2 đợt tạm ứng là 17%. Công ty lên kế hoạch năm 2020 lợi nhuận sau thuế 1.200 tỷ đồng và chia cổ tức tối thiểu 92% lợi nhuận sau thuế.

Ngoài ra, Phát Đạt cũng công bố quyết định HĐQT thông qua phương án mua thêm cổ phiếu trong đợt phát hành thêm để tăng vốn điều lệ Công ty Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp Phát Đạt. Số lượng cổ phần đăng lý mua là 157,76 triệu đơn vị, giá 10.000 đồng/cp, tương ứng số tiền chi ra gần 1.580 tỷ đồng. Sau khi hoàn tất việc đăng ký mua thêm, BĐS Phát Đạt sẽ sở hữu 68% vốn điều lệ Khu công nghiệp Phát Đạt, tương ứng giá trị đầu tư 2.040 tỷ đồng tính theo mệnh giá.

Doanh nghiệp thành lập Khu công nghiệp Phát Đạt vào tháng 8 với vốn điều lệ ban đầu 680 tỷ đồng. Mới đây, Phát Đạt thông báo đã hoàn tất đầy đủ thủ tục pháp lý và điều kiện cần thiết để triển khai dự án Kho bãi tổng hợp dịch vụ hậu cần cảng và dịch vụ logistics tại cảng Cái Mép (Bà Rịa – Vũng Tàu) với tổng đầu tư 1.136 tỷ, quy mô khu đất 24 ha.

### **AAA sắp họp đại hội bất thường để thông qua phương án đấu giá 75 triệu cổ phiếu**

Ngày 5/2 tới đây, Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh (HoSE: AAA) sẽ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2021 để thông qua phương án đấu giá 75 triệu cổ phiếu và vấn đề khác thuộc thẩm quyền đại hội cổ đông. Địa điểm họp tại trụ sở chính của công ty – Lô CN11+CN12, cụm CN An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Theo tài liệu được công bố, AAA trình cổ đông phương án phát hành 75 triệu cổ phiếu ra công chúng theo phương thức đấu giá công khai qua Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HoSE).

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BMI	Nắm giữ	29/12/20	33.5	29.7	12.8%	36.2	21.9%	28.7	-3.4%	Xu hướng phục hồi tiếp diễn

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	PC1	Quan sát mua	13/01/21	24.05	26.5-27.5	Nền tăng mạnh, break trendline nổi đỉnh kèm vol cao + MACD bật tăng từ Signal -> khả năng bước vào nhịp tăng mạnh hơn
2	IDJ	Quan sát mua	13/01/21	16.9	22-22.5	Tín hiệu gần đây cho khả năng bước vào xu hướng tăng khi break kháng cự với gap bắt đầu xu hướng -> có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 16.4-16.6
3	LTG	Quan sát mua	13/01/21	28.6	32   36	Nền bật tăng tốt từ vùng hỗ trợ EMA với vol tăng trở lại -> khả năng quay lại xu hướng tăng
4	TNA	Quan sát mua	13/01/21	13.8	17	Nền tăng mạnh vượt chòm MA + RSI phân kỳ tăng -> cơ hội có nhịp tăng ngắn nếu tiếp tục vượt 14
5	DXP	Quan sát mua	13/01/21	18.4	22.5-23.5	Nền break ngưỡng kháng cự kèm vol cao -> có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 17.8-18

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DCM	Mua	17/12/20	14.3	12.55	13.9%	14.6	16.3%	12.25	-2%	
2	TAR	Nắm giữ	22/12/20	25.2	22	14.5%	27.6	25.5%	20.9	-5%	
3	MWG	Mua	28/12/20	126.2	118.5	6.5%	134.8	14%	115.5	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

4	BMI	Nắm giữ	29/12/20	33.5	29.7	12.8%	36.2	22%	28.7	-3%	
5	PLX	Mua	30/12/20	57.3	54.7	4.8%	60	10%	52.7	-4%	
6	FMC	Mua	04/01/21	37.2	35.9	3.6%	40.8	14%	34.2	-5%	
7	CSV	Mua	05/01/21	30.7	29.1	5.5%	32	10%	27.25	-6%	
8	VNM	Mua	06/01/21	116.3	110.8	5.0%	126.5	14%	107	-3%	
9	GEX	Mua	11/01/21	24.45	23.4	4.5%	26	11%	22.45	-4%	
10	HTN	Mua	12/01/21	43.6	41.85	4.2%	48	15%	39.3	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 12/01/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CEIB2001	1,000	1,340	6.4 %	34%	14,370	83	20,200	153	(1,187)	KIS	EIB	18,818	10.0	05/04/2021
CFPT2008	1,500	3,490	2.7 %	133%	9,430	2	65,800	3,840	350	HCM	FPT	46,990	4.9	14/01/2021
CFPT2010	7,900	14,680	8.7 %	86%	9,410	4	65,800	13,814	(866)	HCM	FPT	52,000	1.0	16/01/2021
CFPT2011	1,700	3,720	5.4 %	119%	66,320	79	65,800	3,612	(108)	HCM	FPT	48,000	5.0	01/04/2021
CFPT2012	1,500	3,380	7.3 %	125%	33,610	112	65,800	3,038	(342)	HCM	FPT	51,000	5.0	04/05/2021
CFPT2013	3,800	7,620	8.1 %	101%	1,510	86	65,800	7,053	(567)	BSI	FPT	52,000	2.0	08/04/2021
CFPT2014	2,000	6,070	1.2 %	204%	340	87	65,800	5,565	(505)	VCI	FPT	55,000	2.0	09/04/2021
CFPT2015	2,070	3,490	8.4 %	69%	21,230	69	65,800	3,207	(283)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/03/2021
CFPT2016	2,580	3,910	-2.3 %	52%	39,470	161	65,800	3,273	(637)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2017	2,340	3,530	7.0 %	51%	37,050	104	65,800	2,850	(680)	MBS	FPT	54,800	4.0	26/04/2021
CHDB2007	2,701	3,430	-0.3 %	27%	39,300	105	26,750	221	(3,209)	KIS	HDB	27,772	3.0	27/04/2021
CHDB2008	2,702	2,690	-1.1 %	0%	17,490	112	26,750	521	(2,169)	KIS	HDB	25,888	3.2	04/05/2021
CHPG2010	1,800	6,100	15.3 %	239%	58,530	83	44,900	3,633	(2,467)	KIS	HPG	33,100	3.3	05/04/2021
CHPG2012	6,100	28,510	8.4 %	367%	14,110	7	44,900	29,038	528	HCM	HPG	21,680	0.8	19/01/2021
CHPG2014	7,200	27,790	3.1 %	286%	14,000	97	44,900	29,204	1,414	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	28,510	8.4 %	326%	4,890	48	44,900	29,114	604	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2016	2,200	12,950	11.6 %	489%	1,310	2	44,900	14,002	1,052	HCM	HPG	22,500	1.6	14/01/2021
CHPG2017	1,000	4,150	6.4 %	315%	55,950	37	44,900	4,021	(129)	KIS	HPG	28,888	4.0	18/02/2021
CHPG2018	1,200	4,770	16.3 %	298%	206,850	122	44,900	3,788	(982)	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	5,700	20,000	8.9 %	251%	5,350	169	44,900	19,199	(801)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2021	2,400	10,100	6.9 %	321%	53,360	79	44,900	10,017	(83)	HCM	HPG	25,000	2.0	01/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CHPG2022	2,100	9,800	3.2 %	367%	4,060	112	44,900	9,053	(747)	HCM	HPG	27,000	2.0	04/05/2021
CHPG2024	2,200	9,000	8.4 %	309%	11,680	86	44,900	8,781	(219)	BSI	HPG	27,500	2.0	08/04/2021
CHPG2025	2,000	13,000	11.1 %	550%	2,790	87	44,900	11,102	(1,898)	VCI	HPG	34,000	1.0	09/04/2021
CHPG2026	3,350	8,000	14.5 %	139%	17,260	118	44,900	4,365	(3,635)	MBS	HPG	36,500	2.0	10/05/2021
CKDH2001	1,400	2,940	23.5 %	110%	40,950	122	33,300	1,824	(1,116)	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	1,600	2,800	2.9 %	75%	48,030	216	33,300	1,624	(1,176)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2003	1,100	2,140	7.0 %	95%	78,040	37	33,300	2,063	(77)	KIS	KDH	25,111	4.0	18/02/2021
CKDH2004	2,180	4,300	7.5 %	97%	16,970	87	33,300	3,479	(821)	MBS	KDH	26,500	2.0	09/04/2021
CMBB2007	1,400	6,500	-4.4 %	364%	6,370	2	26,150	6,689	189	HCM	MBB	14,780	1.7	14/01/2021
CMBB2008	3,400	10,400	-2.4 %	206%	7,290	77	26,150	6,950	(3,450)	VND	MBB	20,000	0.9	30/03/2021
CMBB2009	1,700	5,850	-2.0 %	244%	79,660	79	26,150	4,266	(1,584)	HCM	MBB	19,000	1.7	01/04/2021
CMBB2010	4,600	11,030	-6.5 %	140%	29,610	153	26,150	10,317	(713)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2011	3,800	10,500	2.9 %	176%	9,270	59	26,150	10,215	(285)	SSI	MBB	16,000	1.0	12/03/2021
CMSN2006	1,900	7,650	-2.4 %	303%	760	2	94,000	7,891	241	HCM	MSN	55,340	4.9	14/01/2021
CMSN2007	1,400	4,500	0 %	221%	20,130	105	94,000	3,792	(708)	KIS	MSN	56,868	9.9	27/04/2021
CMSN2009	1,200	3,810	0 %	218%	22,280	122	94,000	3,285	(525)	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2010	4,800	20,500	-2.4 %	327%	660	77	94,000	19,645	(855)	VND	MSN	55,000	2.0	30/03/2021
CMSN2011	4,801	9,100	-3.2 %	90%	17,610	79	94,000	8,629	(471)	HCM	MSN	52,000	4.9	01/04/2021
CMSN2012	4,802	15,650	-3.4 %	226%	10	87	94,000	14,693	(957)	VCI	MSN	65,000	2.0	09/04/2021
CMSN2013	4,803	2,830	2.2 %	-41%	36,050	48	94,000	1,495	(1,335)	MBS	MSN	87,000	4.9	01/03/2021
CMSN2014	4,804	2,100	40.0 %	-56%	47,830	49	94,000	656	(1,444)	KIS	MSN	87,878	9.9	02/03/2021
CMWG2010	4,805	4,360	1.6 %	-9%	22,230	2	126,200	4,581	221	HCM	MWG	80,860	9.9	14/01/2021
CMWG2012	4,807	9,700	-0.4 %	102%	6,370	27	126,200	9,685	(15)	SSI	MWG	78,890	4.9	08/02/2021
CMWG2013	12,000	19,230	1.2 %	60%	30	169	126,200	15,762	(3,468)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2015	1,900	3,400	1.5 %	79%	34,980	118	126,200	2,706	(694)	HCM	MWG	100,000	10.0	10/05/2021
CMWG2016	1,700	3,190	6.3 %	88%	25,570	149	126,200	2,016	(1,174)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2017	2,410	3,300	4.8 %	37%	42,810	104	126,200	2,395	(905)	MBS	MWG	108,000	8.0	26/04/2021
CNVL2002	2,000	6,220	19.6 %	211%	1,110	57	75,400	3,149	(3,071)	KIS	NVL	59,890	5.0	10/03/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CNVL2003	1,000	3,340	13.2 %	234%	50,250	150	75,400	1,208	(2,132)	KIS	NVL	63,979	10.0	11/06/2021
CPNJ2006	1,000	2,450	3.4 %	145%	2,450	2	82,900	2,460	10	HCM	PNJ	58,550	9.9	14/01/2021
CPNJ2008	3,030	6,700	-1.0 %	121%	510	27	82,900	6,674	(26)	SSI	PNJ	49,620	5.0	08/02/2021
CPNJ2009	1,400	4,050	3.9 %	189%	18,900	79	82,900	3,192	(858)	HCM	PNJ	58,000	7.9	01/04/2021
CPNJ2010	2,200	3,900	2.1 %	77%	2,780	28	82,900	3,405	(495)	MBS	PNJ	66,000	5.0	09/02/2021
CREE2005	1,300	4,880	17.9 %	275%	1,340	2	53,100	-	(4,880)	HCM	REE	66,001	4.0	14/01/2021
CREE2006	1,500	3,690	30.4 %	146%	65,190	118	53,100	3	(3,687)	HCM	REE	66,002	4.0	10/05/2021
CSBT2007	1,700	4,250	1.2 %	150%	30,300	105	22,850	3,666	(584)	KIS	SBT	15,999	1.9	27/04/2021
CSTB2006	1,500	3,650	1.4 %	143%	5,940	83	19,800	3,492	(158)	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021
CSTB2007	1,500	4,690	-1.7 %	213%	64,900	135	19,800	4,451	(239)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	4,310	0.9 %	292%	24,530	150	19,800	3,962	(348)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2011	2,700	5,830	-0.2 %	116%	30,320	77	19,800	5,376	(454)	VND	STB	14,500	1.0	30/03/2021
CSTB2012	2,500	7,000	-3.1 %	180%	30,660	79	19,800	6,870	(130)	HCM	STB	13,000	1.0	01/04/2021
CSTB2013	3,200	7,950	-2.5 %	148%	16,190	59	19,800	7,848	(102)	SSI	STB	12,000	1.0	12/03/2021
CSTB2014	3,800	8,390	-0.7 %	121%	17,280	153	19,800	7,925	(465)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2015	1,200	3,090	-1.0 %	158%	22,570	49	19,800	2,934	(156)	KIS	STB	13,979	2.0	02/03/2021
CSTB2016	1,200	3,250	-1.5 %	171%	36,150	112	19,800	2,884	(366)	KIS	STB	14,141	2.0	04/05/2021
CSTB2017	2,680	5,500	-1.8 %	105%	36,820	104	19,800	4,611	(889)	MBS	STB	15,300	1.0	26/04/2021
CTCB2007	1,700	7,510	-2.5 %	342%	6,670	2	35,100	7,551	41	HCM	TCB	20,000	2.0	14/01/2021
CTCB2009	4,400	13,200	-3.5 %	200%	8,620	77	35,100	13,216	16	VND	TCB	22,000	1.0	30/03/2021
CTCB2010	2,000	7,300	0.6 %	265%	43,440	79	35,100	6,858	(442)	HCM	TCB	21,500	2.0	01/04/2021
CTCB2011	3,400	12,900	-2.3 %	279%	3,180	28	35,100	12,543	(357)	MBS	TCB	22,600	1.0	09/02/2021
CTCB2012	5,400	14,260	-4.3 %	164%	27,360	199	35,100	13,402	(858)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2013	4,700	13,400	1.1 %	185%	23,830	112	35,100	12,276	(1,124)	SSI	TCB	23,000	1.0	04/05/2021
CTCH2001	1,400	2,790	13.4 %	99%	44,590	122	25,000	717	(2,073)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2002	1,100	1,750	-7.9 %	59%	376,310	37	25,000	841	(909)	KIS	TCH	21,777	3.9	18/02/2021
CTCH2003	1,600	2,750	11.8 %	72%	35,540	216	25,000	812	(1,938)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CVHM2005	1,400	2,310	-0.4 %	65%	6,250	2	103,400	2,441	131	HCM	VHM	79,000	10.0	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2006	1,000	1,520	17.8 %	52%	89,180	105	103,400	957	(563)	KIS	VHM	84,888	20.0	27/04/2021
CVHM2007	2,900	5,850	2.1 %	102%	41,610	27	103,400	5,708	(142)	SSI	VHM	75,000	5.0	08/02/2021
CVHM2008	1,400	2,980	19.7 %	113%	23,010	150	103,400	1,599	(1,381)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2009	1,400	3,640	5.5 %	160%	48,190	79	103,400	3,179	(461)	HCM	VHM	72,000	10.0	01/04/2021
CVHM2010	1,300	3,450	7.5 %	165%	30,430	112	103,400	2,749	(701)	HCM	VHM	76,500	10.0	04/05/2021
CVIC2004	1,000	1,530	2.0 %	53%	52,790	105	114,400	762	(768)	KIS	VIC	99,999	20.0	27/04/2021
CVIC2005	1,500	2,390	-0.4 %	59%	223,110	150	114,400	1,044	(1,346)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2006	1,700	3,410	-0.3 %	101%	48,760	79	114,400	2,787	(623)	HCM	VIC	87,000	10.0	01/04/2021
CVIC2007	1,000	1,400	16.7 %	40%	79,820	49	114,400	200	(1,200)	KIS	VIC	111,222	20.0	02/03/2021
CVJC2004	1,200	1,440	2.9 %	20%	37,770	105	131,500	845	(595)	KIS	VJC	115,511	20.0	27/04/2021
CVJC2005	2,000	3,150	0 %	58%	6,760	27	131,500	3,168	18	SSI	VJC	100,000	10.0	08/02/2021
CVJC2006	1,000	1,700	-1.7 %	70%	41,430	150	131,500	1,086	(614)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2007	2,400	2,000	11.1 %	-17%	17,290	57	116,300	699	(1,301)	KIS	VNM	111,430	8.0	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,640	-0.4 %	47%	5,570	2	116,300	2,920	280	HCM	VNM	92,660	8.1	14/01/2021
CVNM2010	2,680	3,400	1.8 %	27%	20,280	27	116,300	3,340	(60)	SSI	VNM	89,410	8.1	08/02/2021
CVNM2011	1,100	1,600	15.1 %	45%	152,390	150	116,300	48	(1,552)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2012	7,700	8,400	12.0 %	9%	3,110	77	116,300	3,647	(4,753)	VND	VNM	110,000	2.0	30/03/2021
CVNM2013	1,900	2,580	12.7 %	36%	47,030	79	116,300	1,303	(1,277)	HCM	VNM	104,000	9.9	01/04/2021
CVNM2014	2,000	2,900	31.8 %	45%	6,300	85	116,300	1	(2,899)	VCI	VNM	140,000	5.0	07/04/2021
CVNM2015	1,750	2,400	4.4 %	37%	26,860	48	116,300	1,378	(1,022)	MBS	VNM	103,000	9.9	01/03/2021
CVNM2016	1,000	1,400	27.3 %	40%	31,930	49	116,300	190	(1,210)	KIS	VNM	113,388	19.8	02/03/2021
CVPB2008	1,800	6,510	-1.7 %	262%	1,710	2	34,900	6,452	(58)	HCM	VPB	22,000	2.0	14/01/2021
CVPB2010	4,700	11,430	-3.0 %	143%	7,960	77	34,900	11,026	(404)	VND	VPB	24,000	1.0	30/03/2021
CVPB2011	1,900	5,930	-3.6 %	212%	49,470	112	34,900	5,542	(388)	HCM	VPB	24,000	2.0	04/05/2021
CVPB2012	2,000	6,050	-4.0 %	203%	19,660	79	34,900	6,012	(38)	HCM	VPB	23,000	2.0	01/04/2021
CVPB2013	2,000	8,600	0.2 %	330%	2,800	87	34,900	8,061	(539)	VCI	VPB	27,000	1.0	09/04/2021
CVPB2014	1,700	5,650	-2.6 %	232%	720	28	34,900	5,623	(27)	MBS	VPB	23,700	2.0	09/02/2021
CVPB2015	5,600	10,860	-4.7 %	94%	2,720	199	34,900	9,413	(1,447)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2016	4,800	8,990	-3.5 %	87%	14,980	112	34,900	8,117	(873)	SSI	VPB	27,000	1.0	04/05/2021
CVPB2017	1,000	2,000	0 %	100%	12,490	83	34,900	416	(1,584)	VPB	VPB	30,999	10.0	05/04/2021
CVRE2007	1,520	1,360	-0.7 %	-11%	123,960	83	36,700	737	(623)	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2008	1,200	2,490	6.9 %	108%	13,310	2	36,700	2,676	186	HCM	VRE	26,000	4.0	14/01/2021
CVRE2009	1,400	1,780	-4.8 %	27%	165,920	135	36,700	1,230	(550)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2010	1,100	1,840	-3.2 %	67%	28,840	37	36,700	1,694	(146)	KIS	VRE	29,999	4.0	18/02/2021
CVRE2011	1,500	2,170	-1.4 %	45%	38,880	150	36,700	1,376	(794)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2012	1,300	2,770	-4.8 %	113%	36,290	79	36,700	2,586	(184)	HCM	VRE	26,500	4.0	01/04/2021
CVRE2013	5,000	11,170	-3.9 %	123%	3,540	199	36,700	9,715	(1,455)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2014	4,600	10,180	-1.6 %	121%	28,040	112	36,700	9,413	(767)	SSI	VRE	27,500	1.0	04/05/2021
CVRE2015	2,270	5,300	-5.4 %	133%	18,750	104	36,700	4,698	(602)	MBS	VRE	27,500	2.0	26/04/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">VRE</a> (New)	HOSE	36,700	39,500	08/01/2021	2,383	1,082	11,914	9%	6.5%	25.6	2.4	-
<a href="#">MWG</a> (New)	HOSE	126,200	140,600	07/01/2021	3,901	8,612	33,701	26%	8.7%	16.3	4.2	15%
<a href="#">GVR</a> (New)	HOSE	29,800	24,000	18/12/2020	4,386	930	13,374	8%	5.0%	21.9	1.5	6%
<a href="#">PNJ</a> (New)	HOSE	82,900	89,000	17/12/2020	1,011	4,486	21,484	21%	11.8%	19.8	4.1	18%
<a href="#">PVS</a> (New)	HNX	20,900	16,100	10/12/2020	846	1,681	26,712	6%	3.0%	9.6	0.6	10%
<a href="#">ACB</a>	HOSE	30,100	32,300	09/12/2020	6,640	3,072	15,957	21%	20.9%	10.5	2.0	0%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	83,800	82,200	02/12/2020	229	5,337	26,036	21%	9.8%	15.4	3.2	20%
<a href="#">CTD</a>	HOSE	84,100	66,000	26/11/2020	552	6,960	110,476	6%	4.0%	9.5	0.6	30%
<a href="#">STK</a>	HOSE	22,200	23,500	26/11/2020	114	1,610	15,424	10%	5.5%	14.6	1.5	15%
<a href="#">MPC</a>	UPCOM	30,600	28,300	20/11/2020	542	2,708	22,363	12%	6.0%	10.6	1.3	50%
<a href="#">POW</a>	HOSE	14,600	12,800	20/11/2020	2,065	719	13,540	7%	4.0%	16.3	0.9	3%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	44,900	33,600	18/11/2020	11,154	3,344	17,058	20%	10.0%	10.1	2.0	-
<a href="#">IDI</a>	HOSE	7,770	5,600	13/11/2020	323	1,420	14,121	10%	4.1%	4.0	0.5	5-10%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">LHG</a>	HOSE	37,950	29,900	06/11/2020	162	3,241	25,134	12%	7.2%	8.0	1.0	13%
<a href="#">DHG</a>	HOSE	105,800	92,000	04/11/2020	638	5,122	27,667	18%	13.9%	18.9	3.3	25%
<a href="#">FMC</a>	HOSE	37,200	35,400	29/10/2020	196	3,997	19,396	21%	11.9%	8.9	1.8	25%
<a href="#">TNG</a>	HNX	18,300	15,000	21/10/2020	236	2,902	16,623	18%	5.3%	5.2	0.9	16%
<a href="#">TCM</a>	HOSE	60,000	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
<a href="#">HBC</a>	HOSE	17,300	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
<a href="#">KBC</a>	HOSE	29,850	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.